

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **836** QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **23** tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị
tại Trường Đại học Tài chính - Marketing**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 23/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Tài chính - Marketing giai đoạn 2015 - 2017;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04/10/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2526/QĐ-BTC ngày 2/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Ban hành Quy chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính của Trường Đại học Tài chính - Marketing theo Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động giai đoạn 2015 - 2017 tại Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 23/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ;



Căn cứ Công văn số 7238/BTC-KHTC ngày 19/6/2018 của Bộ Tài chính về việc tiếp tục thực hiện tự chủ theo Nghị quyết 77/NQ-CP và Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 23/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản trị Thiết bị và Trưởng phòng Công nghệ Thông tin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại Trường Đại học Tài chính - Marketing”.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1460/QĐ-ĐHTCM ngày 20/8/2021.

Điều 3. Trưởng các đơn vị và toàn thể viên chức, người lao động thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Tiến Đạt



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

(Ban hành kèm theo Quyết định số **836/QĐ-ĐHTCM** ngày **23/3/2022** của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại Trường Đại học Tài chính - Marketing.
2. Tất cả các đơn vị, cá nhân thuộc sự quản lý của Trường Đại học Tài chính - Marketing phải có trách nhiệm và nghĩa vụ thực hiện Quy định này.

Điều 2. Máy móc, thiết bị tại Trường

1. Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến:
 - a) Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến trang bị cho các chức danh.
 - b) Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến trang bị cho phòng làm việc của các chức danh.
2. Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung.
3. Máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại quy định này được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán; giao, đầu tư, mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị; quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị.
2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến được xác định theo từng chức danh và phòng làm việc của chức danh. Trường hợp một người giữ nhiều chức danh thì áp dụng tiêu chuẩn, định mức của chức danh có tiêu chuẩn, định mức sử dụng cao nhất. Khi người tiền nhiệm nghỉ hưu hoặc chuyển công tác mà máy móc, thiết bị đã trang bị chưa đủ điều kiện thanh lý theo quy định thì người thay thế tiếp tục sử dụng, không trang bị mới.
3. Số lượng và đơn giá của máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến trang bị cho các chức danh và phòng làm việc của các chức danh tại quy định này là mức tối đa. Phòng làm việc của các chức danh tại quy định này là phòng làm việc theo

thiết kế của cơ sở hoạt động sự nghiệp (không phải là phòng theo cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến và chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến được quy định chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quy định này.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo được quy định chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quy định này.

3. Ngoài định mức máy móc, thiết bị quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II, Hiệu trưởng quyết định việc trang bị máy móc, thiết bị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, trên cơ sở tham mưu của các bộ phận chức năng có liên quan.

Điều 5. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung

1. Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung bao gồm:

a) Máy móc, thiết bị trang bị tại các phòng phục vụ hoạt động chung của Trường;

b) Máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng và các máy móc, thiết bị khác phục vụ hoạt động chung của Trường.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu sử dụng, thiết kế xây dựng cơ sở hoạt động sự nghiệp và nguồn kinh phí được phép sử dụng, Hiệu trưởng quyết định việc trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 1460/QĐ-ĐHTCM ngày 20/8/2021.

2. Trường các đơn vị có liên quan căn cứ định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại quy định này để làm cơ sở đề xuất, mua sắm, trang bị và cấp phát.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các đơn vị có liên quan phản ánh về Phòng Quản trị thiết bị để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục I

**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ MÁY MÓC, THIẾT BỊ
VĂN PHÒNG PHỔ BIẾN**

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Số lượng tối đa	Đơn giá tối đa (triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
A	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho các chức danh		
I	Chủ tịch Hội đồng trường, Ban Giám hiệu		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	10
2	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	10
3	Tủ đựng tài liệu	02 chiếc	5
4	Máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	01 bộ hoặc 01 chiếc	15
5	Máy in	01 chiếc	10
6	Điện thoại cố định	01 chiếc	0,75
II	Trưởng, phó phòng, khoa, viện, trung tâm		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	8
2	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	10
3	Tủ đựng tài liệu	01 chiếc	5
4	Máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính xách tay	01 bộ	15
5	Máy in	01 chiếc	10
6	Điện thoại cố định	01 chiếc	0,75
III	Các chức danh còn lại (tính cho 01 người)		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	5
2	Tủ đựng tài liệu	01 chiếc	5
3	Máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính xách tay	01 bộ	15
4	Điện thoại cố định	01 chiếc	0,3
B	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho phòng làm việc của các đơn vị		
I	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến phục vụ công tác hành chính, văn thư, tiếp dân		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	10
2	Tủ đựng tài liệu	05 chiếc	5

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Số lượng tối đa	Đơn giá tối đa (triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
3	Giá đựng công văn đi, đến	01 bộ	1
4	Máy vi tính để bàn	01 bộ	15
5	Máy in	01 chiếc	10
6	Máy photocopy	02 chiếc	90
7	Máy fax	01 chiếc	7
8	Điện thoại cố định	01 chiếc	0,3
II	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho phòng làm việc của phòng, khoa, viện, trung tâm (tính cho 01 phòng)		
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	10
2	Máy in	01 chiếc	10
3	Điện thoại cố định	01 bộ	0,3

Phụ lục II
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ
MÁY MÓC, TRANG THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật) tối thiểu	Số lượng tối đa	Đơn giá tối đa (triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
I	Thiết bị trong các thư viện hoặc trung tâm thông tin - thư viện, đây chuyên công nghệ phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ			
1.	Cổng từ		1 bộ/ 1 thư viện	600
II	Trang thiết bị phục vụ cho công tác thi và tuyển sinh, đánh giá, kiểm định chất lượng			
1.	Máy photo đề thi		3	300
2.	Máy vi tính xách tay	- Core i7 - SSD 240GB - RAM 16GB - Màn hình 14 inches	20	30
3.	Máy in 2 mặt tốc độ cao	- Tốc độ in ≥ 31 trang/phút với khổ giấy A4 hoặc tốc độ in ≥ 20 trang/phút với khổ A3	5	30

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật) tối thiểu	Số lượng tối đa	Đơn giá tối đa (triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
		- Cổng giao tiếp: USB/LAN - Độ phân giải: 600 dpi		
4.	Máy in màu	- Tốc độ in $\geq$ 15 trang/phút - Cổng kết nối: USB - Khổ giấy: A3/A4/ A5	5	30
5.	Máy quét điểm	- Kiểu máy: máy để bàn nạp giấy tự động - Khổ giấy: tối thiểu 48 x 70 mm (1.9 x 2.75 in.) - Tốc độ quét (ADF, Trắng đen/Thang xám, 200dpi/300dpi, Chiều ngang, Giấy letter: 80ppm/160ipm) - Cảm biến hình ảnh: CIS - Độ phân giải: 600dpi	2	90
6.	Tủ, kệ áp tường phục vụ cho công tác thi và tuyển sinh, đánh giá, kiểm định chất lượng	Vật liệu MDF	Kích thước đo theo thực tế	4 triệu đồng/ m2
III	Máy tính, phương tiện kết nối mạng máy tính, các phần mềm hỗ trợ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học; các thiết			

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật) tối thiểu	Số lượng tối đa	Đơn giá tối đa (triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
	bị nghe nhìn, hệ thống bàn, ghế, tủ/giá, kệ được lắp đặt trong các phòng học, hội trường, phòng sinh hoạt chuyên môn, giảng đường, trạm y tế, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, thực nghiệm, thư viện hoặc trung tâm thông tin - thư viện			
1.	Máy vi tính để bàn phòng thực hành (không bao gồm UPS)	- Core i5 - SSD 240GB - RAM 16GB - Màn hình 21.5 inches	1 máy/05 sinh viên	20
2.	Máy vi tính để bàn phòng thực hành chuyên ngành CNTT (không bao gồm UPS)	- Core i7 - SSD 240GB - RAM 16GB - Màn hình 21.5 inches	1 máy/05 sinh viên	25
3.	Máy tính xách tay	- Core i7 - SSD 240GB - RAM 16GB - Màn hình 14 inches	30	30
4.	Máy chiếu		1 máy/phòng	30
5.	Máy chiếu hội trường		2 máy/phòng	50

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật) tối thiểu	Số lượng tối đa	Đơn giá tối đa (triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
6.	Tivi trình chiều (82-85 inch)		1 cái/phòng	80
7.	Bàn họp chuyên môn		1 cái/đơn vị	15
8.	Bàn ghế tiếp phụ huynh, sinh viên		1 bộ/đơn vị	15
9.	Tủ hồ sơ cho sinh hoạt chuyên môn		1 cái/phòng	10
IV	Hệ thống điều hòa, hút ẩm, bảo ôn, phòng cháy chữa cháy, xử lý nước, chất thải trong các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng nghiên cứu khoa học, thực nghiệm			
1.	Máy điều hoà không khí		1 máy/ 20 m ²	50
2.	Máy hút ẩm		01 máy/phòng	30
V	Thiết bị khác phục vụ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các nhiệm vụ đặc thù của cơ sở đào tạo			

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật) tối thiểu	Số lượng tối đa	Đơn giá tối đa (triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
1.	Máy huỷ tài liệu		01 máy/ phòng	15